

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;  
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 140/2023/TLST-DS ngày 12/5/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán xe”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đoàn Chiến T**, sinh năm: 1958

Địa chỉ: **3 D, KP4, phường A, quận B, TP H.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Anh T1**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: **A L, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: **3 P, ấp D, xã P, huyện N, TP H.**

Người có quyền nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH D. Trụ sở: 366/2 **hẻm A, đường P, ấp D, xã P, huyện N, TP H.** Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm: 1964; Địa chỉ: **3 P, ấp D, xã P, huyện N, TP H.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông **Nguyễn Văn T2** (Với tư cách cá nhân và đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D tại thời điểm ký kết hợp đồng) xác nhận còn nợ ông **Đoàn Chiến T** số tiền 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng. Ông **Nguyễn Văn T2** đồng ý thanh toán hết số tiền nợ là 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng cho ông **Đoàn Chiến T** trong thời hạn 03 tháng, hạn chót ngày 29/5/2024 là phải trả hết nợ.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông **Đoàn Chiến T** không yêu cầu tính lãi trong thời hạn 03 tháng trả nợ. Ông **Nguyễn Văn T2** phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/5/2024 cho đến khi thi hành xong khoản tiền nợ trên theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngay sau khi ông **Nguyễn Văn T2** thanh toán đủ hết số tiền 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng cho ông **Đoàn Chiến T**, thì ông **T** có trách nhiệm cùng ông **T2** liên hệ cơ quan có thẩm quyền để hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, loại xe: Ô tô khách, số máy: D6CGFJ281728, số khung: 18KPF009806, màu sơn; Đỏ, biển số: 51B-

501.82 (Theo Giấy đăng ký xe ô tô số: 532720 do Phòng C – Công an T3 cấp ngày 20/12/2019, đăng ký lần đầu ngày 03/9/2019), Hợp đồng thuê xe ô tô cùng ngày 15/01/2020 mà các bên đã ký kết. Đồng thời giao trả lại bản chính Giấy đăng ký xe ô tô số: 532720 do Phòng C – Công an T3 cấp ngày 20/12/2019, đăng ký lần đầu ngày 03/9/2019 cho ông Nguyễn Văn T2.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp ông T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng cho ông Đoàn Chiến T, thì ông T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, loại xe: Ô tô khách, số máy: D6CGFJ281728, số khung: 18KPFC009806, màu sơn; Đỏ, biển số: 51B-501.82 để thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ mà ông Nguyễn Văn T2 còn phải trả ông Đoàn Chiến T.

Số tiền thu được sau khi phát mãi các xe nói trên sẽ được căn trừ các khoản phí, lệ phí thi hành án...và trả cho ông T, nếu còn thừa ông T có trách nhiệm trả lại số tiền thừa cho ông T2. Nếu số tiền thu được sau khi phát mãi xe còn thiếu thì ông T2 phải tiếp tục trả bằng tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông T2 để thanh toán hết khoản nợ còn lại cho ông T.

Kể từ ngày ông Đoàn Chiến T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn T2 chậm trả tiền thì ông T2 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí DSST hòa giải thành là 38.000.000 (Ba mươi tám triệu) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

#### **THẨM PHÁN**

**Đoàn Thị Ngọc Diệp**